

CÔNG TY CP SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM
MST : 0307526635

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo QĐ

số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132,943,895,673	129,040,997,386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,135,120,307	10,494,114,726
1. Tiền	111		2,135,120,307	10,494,114,726
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53,036,206,140	71,745,448,686
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	51,342,604,051	69,694,449,162
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	239,466,875	182,719,815
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1,520,062,302	1,978,563,547
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(65,927,088)	(110,283,838)
IV. Hàng tồn kho	140		57,170,041,692	41,505,002,433
1. Hàng tồn kho	141	V.6	57,170,041,692	41,505,002,433
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,602,527,534	5,296,431,541
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	62,625,040	174,084,874
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		111,152,461	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	20,428,750,033	5,122,346,667

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 đến ngày 30 tháng

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**Mẫu số B 01 – DN**

Ban hành theo QĐ

số 15/2006/QĐ-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106,694,802,642	108,110,610,898
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		106,013,751,845	107,351,424,155
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	45,383,642,498	46,538,644,376
<i>Nguyên giá</i>	222		53,386,300,331	53,783,033,849
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,002,657,833)	(7,244,389,473)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	35,558,015,647	35,757,779,779
<i>Nguyên giá</i>	228		36,756,600,444	36,756,600,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,198,584,797)	(998,820,665)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	25,072,093,700	25,055,000,000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		681,050,797	759,186,743
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	681,050,797	759,186,743
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		239,638,698,315	237,151,608,284

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 đến ngày 30 tháng

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**Mẫu số B 01 – DN**

Ban hành theo QĐ

số 15/2006/QĐ-BTC

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		154,135,466,232	152,728,298,751
I. Nợ ngắn hạn	310		135,526,883,171	133,915,850,683
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	26,601,540,000	16,153,741,056
2. Phải trả người bán	312	V.14	97,981,845,997	104,701,591,293
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	5,209,731	129,564,815
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,732,846,308	4,246,746,530
5. Phải trả người lao động	315		839,085,792	827,491,531
6. Chi phí phải trả	316	V.17	866,613,104	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	7,499,742,239	7,856,715,458
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18,608,583,061	18,812,448,068
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	137,600,000	130,800,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	18,434,082,641	18,637,576,148
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	36,900,420	44,071,920
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85,503,232,083	84,423,309,533
I. Vốn chủ sở hữu	410		85,503,232,083	84,423,309,533
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	5,503,232,083	4,423,309,533
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		239,638,698,315	237,151,608,284

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 đến ngày 30 thá

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

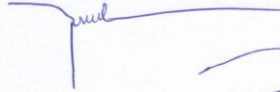
Ban hành theo QĐ

số 15/2006/QĐ-BTC

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Lan

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám Đốc



Phạm Hoàng Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 02 – DN

Ban hành theo QĐ

số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Q2 / Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	67,504,193,871	86,524,567,824
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	481,749,589	5,500,689
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		67,022,444,282	86,519,067,135
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	56,650,199,345	75,208,786,197
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,372,244,937	11,310,280,938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14,325,679	98,002,604
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1,587,912,569	1,558,915,783
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,575,765,803	1,558,468,933
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	4,707,624,206	2,854,883,919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	2,668,311,815	1,943,720,273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,422,722,026	5,050,763,567
11. Thu nhập khác	31	VI.8	78,595,808	173,695,591
12. Chi phí khác	32	VI.9	61,421,101	241,948,373
13. Lợi nhuận khác	40		17,174,707	(68,252,782)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,439,896,733	4,982,510,785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		359,974,183	1,245,627,696
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1,079,922,550</u>	<u>3,736,883,089</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Tuấn

Ngô Thị Thanh Lan

Phạm Hoàng Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 03 – DN

Ban hành theo QĐ

số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Q2 / Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,079,922,550	3,739,293,897
2. Điều chỉnh cho các khoản:				-
- Khấu hao tài sản cố định	02		958,032,492	668,008,045
- Các khoản dự phòng	03		(44,356,750)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		1,575,765,803	1,558,468,933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3,569,364,095	5,965,770,875
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3,366,209,150	(5,139,888,908)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15,665,039,259)	(6,578,643,455)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6,444,503,158)	464,866,863
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		189,595,780	(28,577,522)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,575,765,803)	(1,558,468,933)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,399,434,798)	(8,488,398,181)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(23,365,681)	(462,254,664)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18,982,939,674)	(15,825,593,925)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		379,639,818	(9,161,688,675)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		379,639,818	(9,161,688,675)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**Mẫu số B 03 – DN**Ban hành theo QĐ
số 15/2006/QĐ-BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10,244,305,437	25,101,307,818
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10,244,305,437	25,101,307,818
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8,358,994,419)	114,025,218
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10,494,114,726	1,008,269,206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2,135,120,307	1,122,294,424

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2012

Giám đốc

Nguyễn Văn Tuấn

Ngô Thị Thanh Lan

Phạm Hoàng Phong

tài liệu phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 2/2012**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 191 nhân viên đang làm việc (cuối quý I/2012 là 182 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong quý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,

TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của BTC

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí. Riêng nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình được chuyển giao từ Công ty TNHH Sơn Hà Sài Gòn đã được đánh giá lại theo giá trị thị trường ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố địnhTài sản mua mớiTài sản đã qua sử dụng

Nhà cửa, vật kiến trúc

5- 46

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Máy móc thiết bị	5 – 8	4 – 8
Phương tiện vận tải	10	01 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5	4

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (46 năm).

7. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của công ty chỉ bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chí phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,

TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của BTC

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒNĐịa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.935.000.328	9.671.898.690
Tiền gửi ngân hàng	200.119.979	822.216.036
Các khoản tương đương tiền (*)		
Cộng	<u>2.135.120.307</u>	<u>10.494.114.726</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Năm Dững		4.985.233.941
Cửa hàng Thu Hải	3 009 265 096	4.417.667.410
Cửa hàng vật liệu xây dựng Ba Tân	1 407 054 157	4.496.718.206
Công ty TNHH Nam Huy Hoàng	1 523 271 148	2.982.946.820
Cửa hàng vật liệu xây dựng Hoàng Duy	757 221 995	1.102.782.717
Công ty TNHH TM-SX Kim Thanh Long	1 228 137 046	1 228 137 046
Công ty cổ phần Minh An Phát	1 595 166 573	1.778.532.157
Công ty TNHH Duy Luận	1 052 235 502	1.253.040.547
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thế Dân	889 665 976	2.267.009.507
Các khách hàng khác	39 880 586 558	45 182 380 811
Cộng	<u>51 342 604 051</u>	<u>69.694.449.162</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty SCG Performance Chemicals		
Công ty TNHH dịch vụ bất động sản Thảo Việt	114.000.000	114.000.000
Công ty TNHH TK và Tư Vấn Kiến Hào		27 400 000
CN Cty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Tại Hà Nội	27 500 000	22 500 000
Công ty CP Tổ Chức Triển Lãm QT Vietbuild	28 440 000	-
Công ty Vinodrai ENGINEERS PVT Ấn Độ	46 707 060	-
Các nhà cung cấp khác	22 819 815	18.819.815
Cộng	<u>239 466 875</u>	<u>182.719.815</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CN Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà - tiền cho mượn	410.000.000	410.000.000
Ghi nhận tiền thuế hàng đang đi đường	939.556.683	
Các cá nhân khác - tiền cho mượn	133.637.000	135.000.000
Điện lực hỗ trợ khách hàng lắp đặt Thái Dương Năng		839.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Các khoản phải thu khác	36.868.619	594.563.547			
Cộng	<u>1.520.062.302</u>	<u>1.978.563.547</u>			
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi					
Dự phòng phải thu các khoản nợ quá hạn từ 01 năm đến 03 năm.					
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:					
Số đầu năm	(110.283.838)				
Trích lập dự phòng bổ sung					
Số cuối năm	<u>(65.927.088)</u>				
6. Hàng tồn kho					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Hàng mua đang đi trên đường	9.395.567.119	5.205.650.682			
Nguyên liệu, vật liệu	13.523.700.529	10.527.290.128			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	(96)	(86)			
Thành phẩm ^(*)	8.326.578.232	3.924.227.918			
Hàng hóa ^(*)	25.708.990.943	21.632.628.826			
Hàng gửi đi bán	215.204.965	215.204.965			
Cộng	<u>57.170.041.692</u>	<u>41.505.002.433</u>			
Hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.					
7. Chi phí trả trước ngắn hạn					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Chi phí sửa chữa	26.403.707	42.245.933			
Phí bảo hiểm	6.000.000	10.500.000			
Sửa chữa cửa kho thành phẩm	8.888.000	13.332.000			
Sửa chữa máy lốc gas	21.333.333	29.333.333			
Chi phí khác		78.673.608			
Cộng	<u>62.625.040</u>	<u>174.084.874</u>			
8. Tài sản ngắn hạn khác					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Tạm ứng	20.191.264.553	4.915.026.868			
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	237.485.480	207.319.799			
Cộng	<u>20.428.750.033</u>	<u>5.122.346.667</u>			
9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá	24.926.166.506	19.171.596.404	9.041.492.673	643.778.266	53.783.033.849
Số đầu năm					

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒNĐịa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Mua sắm mới				103.918.182	103.918.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(487.635.500)	(13.016.200)	(500.650.700)
Số cuối năm	24.926.166.506	19.171.596.404	8.553.857.173	734.680.248	53.386.300.331
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	800.510.187	4.078.456.222	2.182.065.223	183.357.841	7.244.389.473
Khấu hao trong năm	253.218.311	721.180.891	238.473.172	38.966.877	1.251.839.251
Thanh lý, nhượng bán			(487.635.500)	(5.935.391)	(493.570.891)
Số cuối năm	1.053.728.498	4.799.637.113	1.932.902.895	216.389.327	8.002.657.833
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	24.125.656.320	15.093.140.182	6.859.427.450	460.420.426	46.538.644.376
Số cuối năm	23.872.438.008	14.371.959.292	6.620.954.278	518.290.922	45.383.642.500

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	36.756.600.444	998.820.665	35.757.779.779
Tăng trong năm		199.764.132	
Số cuối năm	36.756.600.444	1.198.584.797	35.558.015.647

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Quyền sử dụng đất (Hóc Môn 2) ^(*)	25.055.000.000	17.093.700	-	-	25.072.093.700
Cộng	25.055.000.000	17.093.700			25.072.093.700

(*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	758.078.322	24.315.455	101.342.980	681.050.797
Phần mềm máy tính	1.108.421	-	1.108.421	
Cộng	759.186.743	24.315.455	102.451.401	681.050.797

13. Vay và nợ ngắn hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,

TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(a)	25.800.000.000	10.557.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	801.540.000	5.596.741.056
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn</i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	718.200.000	
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn</i>	83.340.000	
Cộng	<u>26.601.540.000</u>	<u>16.153.741.056</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam-Techcombank – Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng tín dụng số 4528/ĐGTSBĐ/TCB, hạn mức 9.257.000.000 VNĐ, lãi suất được quy định trong từng kế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng kho hàng tại Lô Số III-3A, Đường Số 1, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, HCM.

^(a) Khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng tín dụng số 0048/KH/12NH, hạn mức 20.000.000.000 VNĐ mục đích bổ sung vào vốn lưu động, lãi suất được quy định theo từng kế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, HCM

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.557.000.000	34.000.000.000		(18.757.000.000)	25.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.596.741.056	-		(4.795.201.056)	801.540.000
Cộng	<u>16.153.741.056</u>	<u>34.000.000.000</u>		<u>(23.552.201.056)</u>	<u>26.601.540.000</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà	81 833 413 585	93 705 202 623
Công ty TNHH Posco VST	11 712 258 890	3 360 536 824
Công ty cổ phần phát triển năng lượng Sơn Hà	1 982 807 433	4 963 862 423
Nhà cung cấp khác	2 453 366 089	2.671.989.423
Cộng	<u>97 981 845 997</u>	<u>104.701.591.293</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	496.991.530		496.991.530	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	72 181 460	72 181 460	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế xuất, nhập khẩu	-			-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3 735 977 406	359 974 183	2 399 434 798	1 696 516 791
Thuế thu nhập cá nhân	13 777 594	36 292 888	13 740 965	36 329 517
Các loại thuế khác	-			-
Cộng	4.246.746.530	768.802.549	3.282.702.771	1.732.846.308

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.439.896.733	4.982.510.785
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	1.439.896.733	4.982.510.785
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	359.974.183	1.245.627.696

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	839 085 792	827 491 531
Phải trả lao động khác		
Cộng	839 085 792	827 491 531

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công tác, xăng dầu, khác	866 613 104	
Chi phí vật tư không thường xuyên		
Cộng	866 613 104	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho công ty CP quốc tế Sơn Hà	7.367.939.072	7.367.939.072
Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác	128.576.842	128.576.842
Phải trả, phải nộp khác	3.226.325	25.199.544
Trần thị Đào – Cổ Đông góp vốn		335.000.000
Cộng	7.499.742.239	7.856.715.458

19. Phải trả dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản nhận ký quỹ, đặt cọc dài hạn.	137.600.000	130.800.000

20. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾		15.203.493.507
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn ⁽ⁱⁱ⁾	3.197.992.641	3.197.992.641
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	236.090.000	236.090.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Kỳ Đồng ⁽ⁱⁱⁱⁱ⁾	15.000.000.000	
<i>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:</i>		
Cộng	18.434.082.641	18.637.576.148

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	67.504.193.871	86.524.567.824
- Doanh thu bán hàng hóa	36.005.156.061	49.563.795.176
- Doanh thu bán thành phẩm	31.499.037.810	36.960.772.648
Các khoản giảm trừ doanh thu:	481.749.589	
- Chiết khấu thương mại	157.328.227	
- Giảm giá hàng bán	13.696.298	
- Hàng bán bị trả lại	310.725.064	
Doanh thu thuần		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	35.523.406.472	49.563.795.176
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	31.499.037.810	36.960.772.648

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
 TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	32.987.423.897	46.632.949.797
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	23.662.775.448	28.575.836.400
Cộng	<u>56.650.199.345</u>	<u>75.208.786.197</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.325.679	98.002.604
		-
Cộng	<u>14.325.679</u>	<u>98.002.604</u>
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	1.575.765.803	1.558.468.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.146.766	446.850
Cộng	<u>1.587.912.569</u>	<u>1.558.915.783</u>
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	1.544.824.012	1.335.314.290
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.896.185.208	1.098.029.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.969.199	310.138.116
Chi phí dịch vụ bảo hành	35.613.157	31.237.282
Chi phí khác	27.032.630	80.164.388
Cộng	<u>4.707.624.206</u>	<u>2.854.883.919</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	1.702.979.411	968.195.242
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	338.394.391	241.201.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	450.549.656	140.444.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài		25.310.029
Chi phí khác	176.388.357	568.568.911
Cộng	<u>2.668.311.815</u>	<u>1.943.720.273</u>
7. Thu nhập khác		
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-
Thu tiền cho thuê TS	39.860.970	-
Thu tiền bồi thường		
Thu nhập khác	38.734.838	173.695.591
Cộng	<u>78.595.808</u>	<u>173.695.591</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn,
TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

Cho quý 2/2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	61.421.101	241.948.373
Cộng	61.421.101	241.948.373

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu



Nguyễn Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Lan

